

Số: 19 /NQ-HĐND

Buôn Hồ, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên buôn, tổ dân phố
trên địa bàn phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG BUÔN HỒ
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10/12/2022;

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Công văn số 5170/BNV-CQĐP ngày 27/5/2026 của Bộ Nội vụ về việc triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí sử dụng, giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Kế hoạch số 222/KH-UBND ngày 02/6/2026 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TT, ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn 7883/UBND-NV ngày 03/06/2026 của UBND tỉnh thực hiện sắp xếp thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn 2884/SNV-XDCQ ngày 21/05/2026 của Sở Nội vụ về việc triển khai sắp xếp thôn, buôn, tổ dân phố, khu phố;

Căn cứ Phương án số 8419/PA-UBND ngày 10/6/2026 của UBND tỉnh về sắp xếp, tổ chức lại thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Kết luận số 137-KL/ĐU ngày 16/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Buôn Hồ; Kết luận số 199-TB/Đ, ngày 16/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường; Kết luận số 138-KL/ĐU, ngày 25/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Buôn Hồ tại Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ phường lần thứ 9

(mở rộng); Thông báo Kết luận số 203-TB/ĐU, ngày 24/6/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy phường tại kỳ họp lần thứ 30;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc đề nghị ban hành Nghị quyết sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên buôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 47/BC-HĐND ngày 26 /6/2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân phường và ý kiến của các Đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên các buôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Buôn Hồ

Trên cơ sở Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 23/6/2026 của UBND phường Buôn Hồ về sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên buôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Buôn Hồ năm 2026, Hội đồng nhân dân phường thông qua việc sắp xếp, tổ chức lại và đổi tên buôn, tổ dân phố trên địa bàn phường Buôn Hồ, cụ thể như sau:

1. Sắp xếp, tổ chức lại buôn, tổ dân phố trên địa bàn phường:

1.1. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP An Lạc 1 và TDP An Lạc 2.

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP An Lạc 1
- Diện tích tự nhiên: 217,09 ha. Số hộ dân: 581 hộ

1.2. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP An Lạc 3 và TDP An Lạc 6.

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP An Lạc 2
- Diện tích tự nhiên: 61,89 ha. Số hộ dân: 656 hộ

1.3. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Buôn Tring 1, Buôn Tring 2, Buôn Tring 3

- Tên gọi sau sắp xếp: Buôn Tring
- Diện tích tự nhiên: 248,60 ha. Số hộ dân: 503 hộ

1.4. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP An Bình 1, TDP An Bình 2

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP An Bình 1
- Diện tích tự nhiên: 87,41 ha. Số hộ dân: 606 hộ

1.5. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP An Bình 3, TDP An Bình 4

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP An Bình 2
- Diện tích tự nhiên: 213,39 ha. Số hộ dân: 713 hộ

1.6. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP An Bình 7, TDP An Bình 8

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP An Bình 3
- Diện tích tự nhiên: 56,71 ha. Số hộ dân: 579 hộ

1.7. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Đạt Hiếu 1, TDP Đạt Hiếu 4

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Đạt Hiếu 1
- Diện tích tự nhiên: 250,82 ha. Số hộ dân: 720 hộ

1.8. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Đạt Hiếu 2, TDP Đạt Hiếu 3

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Đạt Hiếu 2
- Diện tích tự nhiên: 224,06 ha. Số hộ dân: 602 hộ

1.9. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Đạt Hiếu 5, TDP Đạt Hiếu 6

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Đạt Hiếu 3
- Diện tích tự nhiên: 435,42 ha. Số hộ dân: 491 hộ

1.10. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Đoàn Kết 1, TDP Đoàn Kết 2

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Đoàn Kết 1
- Diện tích tự nhiên: 405,11 ha. Số hộ dân: 482 hộ

1.11. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Đoàn Kết 3, TDP Đoàn Kết 4

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Đoàn Kết 2
- Diện tích tự nhiên: 1099,68 ha. Số hộ dân: 468 hộ

1.12. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Thiện An 1, TDP Thiện An 2

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Thiện An 1
- Diện tích tự nhiên: 142,33 ha. Số hộ dân: 455 hộ

1.13. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Thiện An 3, TDP Thiện An 4, TDP Đồng Tiến

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Thiện An 2
- Diện tích tự nhiên: 456,80 ha. Số hộ dân: 556 hộ

1.14. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Thiện An 5, TDP Thiện An 6, TDP Thiện An 7

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Thiện An 3
- Diện tích tự nhiên: 255,09 ha. Số hộ dân: 469 hộ

1.15. Sắp xếp một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Tân Hà 1 (gồm 227 hộ, diện tích 31,1 ha) vào TDP Tân Hà 4

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Tân Hà 1
- Diện tích tự nhiên: 175,88 ha. Số hộ dân: 795 hộ

1.16. Sắp xếp một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Tân Hà 1 (gồm 92 hộ, diện tích 9,53 ha) vào TDP Tân Hà 2

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Tân Hà 2
- Diện tích tự nhiên: 514,08 ha. Số hộ dân: 495 hộ

1.17. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Hợp Thành 1, TDP Hợp Thành 4

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Hợp Thành 1

- Diện tích tự nhiên: 463,78 ha. Số hộ dân: 720 hộ

1.18. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của TDP Hợp Thành 2, TDP Hợp Thành 3

- Tên gọi sau sắp xếp: TDP Hợp Thành 2

- Diện tích tự nhiên: 103,02 ha. Số hộ dân: 538 hộ

1.19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Buôn Dlung 1A, Buôn Dlung 1B

- Tên gọi sau sắp xếp: Buôn Dlung

- Diện tích tự nhiên: 86,66 ha. Số hộ dân: 525 hộ

2. ĐỔI TÊN 02 TDP THUỘC PHƯỜNG BUÔN HỒ, CỤ THỂ NHƯ SAU:

2.1. Đổi tên TDP An Lạc 5 thành TDP An Lạc 3

2.2. Đổi tên TDP An Bình 6 thành TDP An Bình 4

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường căn cứ Nghị quyết này tổ chức triển khai thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại, đổi tên buôn, TDP trên địa bàn phường Buôn Hồ theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân phường, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường khóa II, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ tỉnh (b/c);
- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND phường (b/c);
- CT, các PCT UBND phường;
- Ban TT UBMTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Đảng ủy phường;
- Các phòng chuyên môn UBND phường;
- Các buôn, TDP trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VHXX(H- 50b).

CHỦ TỊCH

H' Yim KĐoh